



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 1

Unit 9 Lesson 3 · Unit 10 Lesson 1 (SGK tr. 42–43)



Tuần 20

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Mẫu: Oo Mm

Mỗi dòng một chữ cái: chữ hoa trước, chữ thường sau (Oo, Mm). Chưa cần viết từ.

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu



locks



ops



angos



onkeys



others

Bài 3: Look and write – viết 1 chữ cái còn thiếu



l cks



p ts



ouse

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ



•

•

mango



•

•

pots



•

•

clocks



•

•

locks



•

•

mops

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

- Bố mẹ đọc «clocks» – bé nghe thấy chữ nào?
- Bố mẹ đọc «locks» – bé nghe thấy chữ nào?
- Bố mẹ đọc «mops» – bé nghe thấy chữ nào?
- Bố mẹ đọc «pots» – bé nghe thấy chữ nào?

e	a	o
o	a	i
i	o	e
e	a	o

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

- Bố mẹ đọc: «How many clocks? – Two.» Câu này nghĩa là:
 (A) Mấy cái đồng hồ? – Hai. (B) Mấy cái khóa? – Ba.
- Bố mẹ đọc: «How many locks? – Three.» Câu này nghĩa là:
 (A) Mấy cái đồng hồ? – Hai. (B) Mấy cái khóa? – Ba.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 1

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 20

Bài 1: Write the letters – viết chữ cái hoa, chữ thường theo mẫu

Oo, Mm

Bài 2: Look and write – nhìn hình, viết chữ cái đầu

- clocks - mops - mango - monkey - mother

Bài 3: Look and write – viết 1 chữ cái còn thiếu

- locks - pots - mouse

Bài 4: Match – bố mẹ đọc từ, bé nối hình với từ

- clocks - locks - mops - pots - mango

Bài 5: Listen and circle – bố mẹ đọc to từ, bé khoanh chữ cái

1. **C** (o) 2. **A** (o) 3. **B** (o) 4. **C** (o)

Bài 6: Listen and choose – bố mẹ đọc câu và hai ý, bé chọn

1. **A** (Mấy cái đồng hồ? – Hai.) 2. **B** (Mấy cái khóa? – Ba.)

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5